

Hiệp Hoà, ngày 01 tháng 9 năm 2024

CÔNG KHAI
Thông tin về kết quả giáo dục thực tế của năm học 2023-2024

1. Kế hoạch và kết quả hoạt động giáo dục phổ thông

1. 1. Thông tin về kế hoạch hoạt động giáo dục của năm học 2024-2025:

- Kế hoạch tuyển sinh của cơ sở giáo dục (*Có file đính kèm*);
- Kế hoạch giáo dục của nhà trường (*Có các file đính kèm*);
- Quy chế phối hợp giữa cơ sở giáo dục với gia đình và xã hội trong việc chăm sóc, giáo dục học sinh (*Có các file đính kèm*);
- Các chương trình, hoạt động hỗ trợ học tập, rèn luyện, sinh hoạt cho học sinh ở cơ sở giáo dục (*Có các file đính kèm*);

2. Thông tin về kết quả giáo dục thực tế của năm học 2023-2024:

a) Kết quả tuyển sinh;

* Kết quả tuyển sinh:

- Kết quả tuyển sinh vào lớp 6: 217/217 đạt tỷ lệ 100%\

- Kết quả tuyển sinh vào lớp 10 THPT: - Tỷ lệ HS thi đạt tuyển sinh vào THPT Bạch Đằng: $84/114 = 73,7\%$ trên tổng số HS dự thi. Tỷ lệ so với số HS tốt nghiệp $84/197 = 47\%$. Điểm TB các môn thi tuyển sinh lớp 10 THPT: Môn Văn 6,60 (TX 5,96); Môn Toán 5,60 (TX 4,88); Môn Tiếng anh 5,40 (TX 5,47); Số học sinh tham gia học nghề ($48/179 = 26,8\%$) trong đó học tại TTGD TX $46/179=25,7\%$; Số học sinh học cao đẳng nghề xây dựng Ưng Bí: $02/179=1,1\%$;

* Tổng số học sinh theo từng khối; số học sinh bình quân/lớp theo từng khối; số lượng học sinh học 02 buổi/ngày; số lượng học sinh nam/học sinh nữ, học sinh là người dân tộc thiểu số, học sinh khuyết tật; số lượng học sinh chuyển trường và tiếp nhận học sinh học tại trường;

Thông tin	Khối 6 (06 lớp)	Khối 7 (04 lớp)	Khối 8 (04 lớp)	Khối 9 (04 lớp)	Toàn trường (19 lớp)
Tổng số học sinh theo từng khối	257	181	178	178	794
Số học sinh bình quân/lớp theo từng khối	42,8	45,3	44,5	44,5	44,1
Số lượng học sinh học 02 buổi/ngày	0	0	0	0	0

Số lượng học sinh nam/học sinh nữ	132/125	92/89	89/89	84/94	397/397
Học sinh là người dân tộc thiểu số	0	0	0	0	0
Học sinh khuyết tật	03	02	02	02	09
Số lượng học sinh chuyển trường	05	01	0	0	05
Số lượng tiếp nhận học sinh học tại trường	04	01	01	01	07

b) Thống kê kết quả đánh giá học sinh theo quy định của Bộ giáo dục và Đào tạo; thống kê số lượng học sinh được lên lớp, học sinh không được lên lớp;

* Thống kê kết quả đánh giá học sinh theo quy định của Bộ giáo dục và Đào tạo

- Khối 6, 7, 8

+ Học tập và rèn luyện

Lớp	Tổng số HS (*)	Học tập								Rèn luyện								Khen thưởng cuối năm			
		Tốt		Khá		Đạt		Chưa đạt		Tốt		Khá		Đạt		Chưa đạt		Học sinh Xuất sắc		Học sinh Giỏi	
		SL	%	SL	%	SL	%	S L	%	SL	%	SL	%	S L	%	S L	%	SL	%	SL	%
	615	110	17.9	295	48	209	34.0	1	0.2	459	74.6	155	25.2	1	0.2	0	0	8	1.3	102	16.6
K6	257	32	12.5	118	45,9	106	41.3	1	0.4	166	64.6	91	35.4	1	0.4	0	0	2	0.8	30	11.7
K 7	180	37	20.6	93	51.7	50	27.7	0	0	147	81.7	33	18.3	0	0	0	0	2	1.1	35	19.4
K8	178	41	23.0	84	47.2	53	29.8	0	0	146	82.0	31	17.4	1	0.6	0	0	4	2.3	37	20.8

+ Xếp loại học tập và hạnh kiểm khối 9

Lớp	SS CN	Xếp loại học lực										Xếp loại hạnh kiểm									
		Giỏi		Khá		TB		YẾU		Kém		Tốt		Khá		TB		YẾU			
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%		
K9	179	41	22,9	71	39,7	67	37,4	0	0	0	0	120	67,0	57	31,8	2	1,1	0	0		

* Thống kê số lượng học sinh được lên lớp, học sinh không được lên lớp;

Khối	Tổng số học sinh	Số lượng học sinh được lên lớp	Số lượng học sinh không được lên lớp
Khối 6	257	256	01
Khối 7	180	180	0
Khối 8	178	178	0

Khối 9	179	TN 100%	0
Toàn trường	794	614	01

c) Số lượng học sinh được cấp bằng tốt nghiệp; số lượng học sinh trúng tuyển vào các cơ sở giáo dục nghề nghiệp

- Số lượng học sinh được cấp bằng tốt nghiệp: 179/179 đạt 100%

- Số lượng học sinh trúng tuyển vào các cơ sở giáo dục nghề nghiệp: 48/179 = 26,8% .

d) Kết quả học sinh đạt giải HSG các cấp.

*** Chất lượng mũi nhọn năm học 2023-2024:** 59 giải thị xã; 06 giải cấp tỉnh.

- Các môn văn hoá:

(1) HSG các môn văn hóa cấp TX lớp 9: 20 em; lớp 9, số giải đạt được bằng so với năm học 2022-2023; Lớp 6,7,8: đạt 39 giải (giảm 04 giải so với năm học trước).

(2) HSG các môn văn hoá cấp Tỉnh: 06 em (03 giải nhất; 02 giải nhì; 01 giải ba giải Ba), tăng 02 giải so với cùng kỳ năm trước.

(3) Thi Olympic các môn chuyên: 04 em (02 huy chương vàng, 01 huy chương bạc, 01 huy chương đồng).

(4) Tin học trẻ; Đạt 03 giải (01 giải nhì, 02 giải KK)

- **KHKT:** Đạt 01 giải nhì cấp thị xã.

- **STTTNND:** Không tham gia.

e) Các hoạt động giáo dục toàn diện khác:

+ *Đối với lớp 6,7,8:* Thực hiện nghiêm túc Chương trình giáo dục phổ thông theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo; các chương trình Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp; Giáo dục địa phương.

+ *Đối với các lớp 9:* Thực hiện nghiêm túc Chương trình giáo dục phổ thông theo Quyết định số 16/2006/QĐ-BGDĐT ngày 05/5/2006 của Bộ Giáo dục và Đào tạo; các chương trình Hoạt động giáo dục tập thể; Hoạt động giáo dục NGLL; Giáo dục hướng nghiệp 9; Giáo dục địa phương.

*** Giáo dục thể chất và y tế trường học:** Thực hiện nghiêm túc công tác giáo dục thể chất, thể thao và y tế trường học. Nhà trường phối hợp tốt với trạm y tế xã tổ chức các hoạt động phòng chống dịch bệnh trong trường học, tổ chức khám sức khỏe cho 100% học sinh, phân loại, tư vấn cho phụ huynh học sinh vào đầu năm học; Tổ chức tốt các hoạt động thể dục thể thao, hàng ngày tập thể dục giữa giờ rèn luyện sức khỏe học sinh. Tổ chức, thực hiện chương trình GDTC đảm bảo thời lượng, phù hợp về nội dung, hình thức. Đổi mới phương pháp GDTC theo

hướng phát triển năng lực học sinh, tạo sự hứng thú, yêu thích cho học sinh khi tham gia giờ học Thể dục.

- Tuyên truyền tới 100% phụ huynh, học sinh về chủ trương thực hiện đề án dạy bơi, kỹ năng phòng chống đuối nước; Tuyên truyền vận động phụ huynh cho con học bơi tại bể bơi trường Tiểu học Hiệp Hòa...Số HS biết bơi 426/830 chiếm tỷ lệ 51,3%.

- Tổ chức thành công lễ khai mạc hội khỏe Phù Đổng cấp trường, tổ chức nghiêm túc, quy mô tập luyện, thi đấu các môn thể thao cấp trường: cờ vua, điền kinh, đá cầu, cầu lông, bóng đá. Lập đội tuyển, tập luyện thi đấu các môn thi cấp thị xã, cấp tỉnh.

- Triển khai thực hiện nghiêm túc QĐ 53/QĐ-BGD&ĐT trong năm học, hoàn thành chương trình giáo dục thể chất, kiểm tra, đánh giá thể lực học sinh theo tiêu chuẩn rèn luyện thân thể xếp loại đạt và tốt 794/794 = 100%. (học sinh); thực hiện tốt các hoạt động tập thể ngoại khóa được gắn với các ngày lễ; ngày kỷ niệm trong tháng. Triển khai có hiệu quả bài thể dục buổi sáng; võ cổ truyền; TD nhịp điệu,....

- **HSG thể chất:** Tham gia Hội khỏe Phù Đổng cấp thị xã đạt 11 giải : + Cờ Vua cấp thị xã đạt 01 giải nhì; 01 giải ba. + Đá cầu đạt 03 giải ba (01 đơn nữ, 01 đôi nữ và 01 đôi nam nữ) . + Môn Cầu lông đạt giải ba toàn đoàn: và đạt 06 giải trong đó 01 giải nhì và 05 giải ba (02 giải 3 đơn nam; 02 giải ba đôi nam nữ; 01 giải ba đôi nữ; 01 giải đôi nam) - **Cấp tỉnh đạt 06 huy chương** (02 huy chương Vàng Võ Vovinam, 01 huy chương đồng cờ vua, 02 huy chương đồng võ cổ truyền, 01 huy chương đồng môn Cầu lông).

F) Hoạt động trải nghiệm, giáo dục kỹ năng sống:

- *Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp:* Thực hiện tốt tuyên truyền về ATGT; phòng chống bạo lực, các tệ nạn xã hội và TNTT dưới hình thức sân khấu hóa trong tiết chào cờ đầu tuần. Phối hợp với Công an xã Hiệp Hòa tổ chức tuyên truyền về phòng chống ma túy, bạo lực học đường, an toàn cho học sinh trong nhà trường ; phối hợp với Trung tâm Y tế thị xã tổ chức tuyên truyền về sức khỏe sinh sản vị thành viên; phòng chống dịch bệnh học đường và các dịch bệnh theo mùa...

+ Các HĐTNST: Tổ chức trung thu: Thi bày mâm ngũ quả; Tổ chức các hoạt động nhân đạo, từ thiện nhân dịp Tết Nguyên đán với tổng số tiền: **13.017.000 đồng**.

+ Thi trang trí bảng truyền thông theo các chủ điểm tháng, gắn liền với các chuyên hiệu rèn luyện đội viên.

+ Tổ chức sinh hoạt dưới cờ theo kế hoạch, chủ điểm "*Mỗi tuần một câu chuyện đẹp, một cuốn sách hay, một tấm gương sáng*"

+ 100% Học sinh tham gia cuộc thi trực tuyến “*60 năm xây dựng và phát triển tỉnh Quảng Ninh*” với tổng số lượt 2254 lượt thi, tuyên dương khen thưởng các tập thể, cá nhân đạt giải./.

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thuý Quỳnh